

TÍNH CỘNG ĐỒNG VÀ TÍNH CÁ NHÂN TỪ GÓC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ MÔ TẢ VỀ "CÁI TÔI"

LÊ VĂN HẢO*

Trong bài trước đăng trên Tap chí Tâm lý học số 10/2004, chúng tôi đã có dịp trình bày lý thuyết của Markus và Kitayama về "cái tôi" độc lập và "cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau. Bài viết này trình bày một số kết quả nghiên cứu tiến hành năm 2004 về tính cộng đồng và tính cá nhân từ góc độ nhận thức, mô tả về "cái tôi" theo quan điểm của lý thuyết trên.

PHƯƠNG PHÁP

Tham gia nghiên cứu gồm có 418 người dân ở xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội, một xã ven đô vốn thuần nông nhưng đang có nhiều thay đổi trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mẫu nghiên cứu này được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên, phân tầng, có độ tuổi từ 18 đến 81, tuổi trung bình là 36 (± 14).

Công cụ nghiên cứu được sử dụng là Test 20 mệnh đề do Kuhn và McPartland thiết kế (xem Krech và Ballchachey, 1962). Điểm chính của phương pháp này gợi ý cho nghiệm thể hoàn thành 20 câu bắt đầu bằng "Tôi là...". Phương pháp này có thể liệt vào một trong những dạng kỹ thuật gián tiếp, phóng chiếu, cho nghiệm thể liên tưởng tự do theo hướng dẫn như sau:

"Bạn gặp một ai đó lần đầu tiên và người đó hỏi: anh (chị) là ai? Bạn hãy hoàn thành 20 câu trả lời dưới đây sao cho người đó có thể hình dung ra bạn là ai. Hãy viết các câu trả lời ngắn, theo thứ tự như chúng vừa xuất hiện trong đầu mà không cần phải quan tâm tới trật tự của các câu đó. Mong bạn trả lời nhanh và không cần mất thời gian suy nghĩ". Các câu trả lời của test này thường là sự mô tả "cái tôi" trong mối liên hệ với tính cá nhân/ tính cộng đồng và theo hai dạng. Dạng thứ nhất là "cái tôi" - xã hội, "cái tôi" với tư cách là thành viên của nhóm/cộng đồng, có vai trò hay thân phận gắn liền với người khác, tương ứng với "cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau. Dạng thứ hai là "cái tôi" độc lập tách, tương ứng với "cái tôi" độc lập theo cách hiểu của Markus và Kitayama mà chúng tôi đã có dịp trình bày trong bài trước. Nếu "cái tôi" với tư cách là thành viên của nhóm nổi trội hơn (theo tần số và thứ tự xuất hiện) trong trường tri giác/nhận thức (từ dùng của Hofstede) hay của khách thể nghiên cứu thì người đó dễ có xu hướng cộng đồng hơn. Ngược lại, nếu "cái tôi" độc lập nổi

*Th.s, Viện Tâm lý học.

trội hơn thì người đó dễ có xu hướng cá nhân hơn. Tổng số 5.932 thông tin đã thu thập được mã hoá theo phương pháp của Parkes, Schneider & Bochner (1999).

KẾT QUẢ

1. Cái nhìn tổng quát

a) Kết quả nghiên cứu được trình bày trong bảng 1 dưới đây cung cấp một cái nhìn tổng quát về "cái tôi" độc lập (xu hướng cá nhân) và "cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau (xu hướng cộng đồng) biểu hiện qua test 20 mệnh đề.

Bảng 1: "Cái tôi" độc lập và "cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau (N = 410)

Phương án trả lời	5 câu đầu	10 câu đầu	15 câu đầu	20 câu
"Cái tôi" độc lập (xu hướng cá nhân)	42,4	44,6	45,6	45,9
"Cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau (xu hướng cộng đồng)	57,6	55,4	54,4	54,1
Trong đó, "cái tôi" vai trò/bổn phận	43,4	36,4	32,3	29,7

Ghi chú: Trên đây là % của từng phương án trả lời so với tổng thể của từng nhóm (tiêu chí) theo thứ tự 5, 10, 15 câu đầu và toàn bộ 20 câu.

Như ta thấy ở trong bảng 1, "cái tôi" độc lập ("cái tôi" cá nhân) có xu hướng tăng dần theo thứ tự các câu trả lời. Ngược lại, "cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau ("cái tôi" cộng đồng) thì giảm dần. Mức độ 5 câu đầu chênh nhau khá rõ nét (58% so với 42% - làm tròn số) với ưu thế nghiêng về "cái tôi" cộng đồng. Mức độ 20 câu, mức độ khác biệt đã giảm mạnh, "cái tôi" cộng đồng chỉ còn trội hơn "cái tôi" cá nhân một chút (54% so với 46%). "Cái tôi" cộng đồng liên quan đến gia đình, làng xóm, cơ quan... được nhắc đến nhiều hơn và sớm hơn (trong những câu đầu) theo thứ tự xuất hiện. So với mẫu chọn là sinh viên ở Trung Quốc (xem Triandis, 1995) thì tỉ lệ câu trả lời mang tính Co ở mẫu chọn dân cư Tam Hiệp có cao hơn chút ít (52% so với 54%). Nhưng có thể kết luận rằng "cái tôi" của người Việt Nam (Tam Hiệp) có nhiều điểm tương đồng với "cái tôi" của người châu Á nói chung (xem Ward, 1999).

Càng xuất hiện sớm trong những câu trả lời đầu tiên (5, 10, 15), tỉ lệ các câu mô tả về mình càng có tính Co cao hơn và tương ứng với nó là "cái tôi" xã hội, "cái tôi" vai trò, bổn phận càng cao hơn (xem bảng 1). Cụ thể, trong 5 câu đầu, số câu mang tính cộng đồng có tần xuất là 57,6%. Trong số 57,6% câu mang tính cộng đồng thì có tới 3/4 (43%) là nói đến vai trò, bổn phận. Tỉ lệ này trong các câu sau giảm dần cho tới 20 câu, nó vẫn chiếm hơn một nửa (29,7%). Ví dụ các câu trả

lời thường có dạng: “Tôi là người thôn Ngưu” (tên gọi tắt của thôn Yên Ngưu, một trong ba thôn/làng ở Tam Hiệp); “Tôi là con gái bà A”; “Tôi là chị gái của Giang”; “Tôi là vợ anh H”; “Tôi là mẹ của 2 đứa con: Trang và Thùy”... (trích phiếu số 143, nữ, 30 tuổi, thôn Yên Ngưu). Trong nghiên cứu này, toàn bộ những người tham gia nghiên cứu đều đang sống ở trong môi trường làng xã thực sự. Hơn 2/3 trong số này (69,3%) đã có gia đình riêng. Có vẻ như "cái tôi" bổn phận - hay "cái tôi" vai trò theo nghĩa rộng - vẫn nổi trội, đúng với những gì nhiều tác giả đã nói về người Việt Nam truyền thống. Trong "cái tôi" cộng đồng, "cái tôi" vai trò, bổn phận xuất hiện sớm với tần xuất cao và thường xoay quanh tâm điểm là gia đình. Người ta nói “tôi là con ông X”, “tôi là người đã có gia đình (riêng)”, “tôi là vợ anh Y”... ("cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau) rồi mới nói đến “tôi là một người thẳng tính”, “tôi là người thích tự lập”, “tôi cao 1m 64”... ("cái tôi" độc lập).

Mặt khác, với nhiều người "cái tôi" độc lập, "cái tôi" tự thân, tự chủ, tự khẳng định cũng xuất hiện sớm và càng về sau (những câu 10, 15, 20) càng xuất hiện với tần xuất tăng dần. Bảng 1 cho thấy trong 5 câu đầu các câu mô tả về bản thân mang tính cá nhân chiếm tỉ lệ tới 2/5 (42%) và tăng dần về sau cho đến 20 câu

thì đạt tỉ lệ tới gần 1/2 (45,9%). “Tôi là V.”, “Tôi là người thích thể thao”, “Tôi là người không có ý chí vươn lên”, “Tôi là người hơi chậm”, “Tôi là người thích tự lập”, “Tôi là một phụ nữ tuổi 47”, “Tôi là người không thích vòng vo”, “Tôi là người muốn kiếm được nhiều tiền”, “Tôi là người thích làm việc mình muốn”, “Tôi là người chăn nuôi giỏi”, “Tôi là người khá tự tin, có cá tính”... là những câu thuộc dạng "cái tôi" độc lập mang xu hướng cá nhân.

Như vậy, về mặt tổng quát, có thể nói rằng "cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau và "cái tôi" độc lập (xu hướng Co và Ca) cùng song song tồn tại, nhưng "cái tôi" có nội dung theo xu hướng Co, đặc biệt là đối với gia đình, có tỉ lệ lớn hơn, tần xuất xuất hiện sớm hơn. Dù mức độ "lớn hơn" và "sớm hơn" này không quá lớn, nhưng vẫn đủ cơ sở để kết luận rằng ở Tam Hiệp "cái tôi" cộng đồng vẫn chiếm ưu thế hơn ít nhiều so với "cái tôi" cá nhân.

b) Nếu chia tách các câu trả lời liên quan đến tính Co/ca nói trên theo 4 tiêu chí (Co/ca nói chung + tình huống) như phương pháp mã hoá đã định chúng ta sẽ có kết quả như bảng 2 dưới đây. Trong bảng này, dù lấy 5, 10, 15 câu xuất hiện đầu tiên hay toàn bộ 20 câu thì "cái tôi" xã hội theo tình huống, văn cảnh cụ thể vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất, nhưng giảm dần (51,4%, 47,9%, 45,3% và 43,9%).

Bảng 2: Tỉ lệ % các câu trả lời chia theo 4 tiêu chí (Co/ca chung và tình huống) (N = 410)

Phương án trả lời	5 câu đầu	10 câu đầu	15 câu đầu	20 câu
Độc lập - nói chung	31,3	32,9	33,8	34,3
Độc lập - tình huống	11,1	11,7	11,8	11,6
Xã hội - chung	6,2	7,5	9,1	10,2
Xã hội - tình huống	51,4	47,9	45,3	43,9

Cụ thể "cái tôi" này được thể hiện qua các câu có dạng như "tôi là con ông X ở làng Huỳnh", "tôi là người được bạn bè tin tưởng"; "tôi là con dâu hiếu thảo", "tôi là mẹ của 4 người con" ... "cái tôi" độc lập - nói chung chiếm tỉ lệ cao thứ 2 và tăng dần (31,3%, 32,9%, 33,8% và 34,4%). Các câu này có dạng như "tôi là Y (tên người trả lời)", "tôi là người nóng tính", "tôi là người phụ nữ hạnh phúc" "tôi là người thích sống tự lập"... Có thể nói "cái tôi" cộng đồng ở người Tam Hiệp mang tính tình huống, văn cảnh. Bên cạnh đó, "cái tôi" độc lập, mô tả bản sắc, các đặc điểm, sở thích, mong muốn, năng lực, trạng thái... của cá nhân, cũng được thể hiện khá rõ nét. "Cái tôi" độc lập này phản ánh tính tự thân, tự chủ, tự khẳng định mình, nhưng vẫn đứng sau "cái tôi" cộng đồng, "cái tôi" mang các vai trò, thân phận xã hội.

2. Những khác biệt của "cái tôi" mang tính Co/ca

Để xem xét mức độ, xu hướng của tính Co/ca trong toàn mẫu chọn và so sánh tính Co/ca theo các biến số độc lập chúng tôi chia các câu trả lời theo 2 loại là Co (nói chung + tình huống) và

Ca (nói chung + tình huống) rồi tính điểm trung bình (và độ lệch chuẩn) đối với 5, 10, 15, 20 câu. Như vậy, đối với mỗi người, thì tổng điểm (Co + Ca) cho 5 câu đầu cao nhất sẽ bằng 5. Tương tự với 10, 15, 20 câu thì tổng điểm tương ứng là 10, 15, 20. Dùng t Test và one-way ANOVA (tuỳ từng trường hợp) để so sánh điểm trung bình. Trong trường hợp tuổi (18-81) thì tính hệ số Pearson (r). Kết quả so sánh khác biệt và so sánh tương quan giữa tính Co/ca và các biến số độc lập được trình bày dưới đây.

a) "Cái tôi" mang tính Colca theo giới tính

Từ bảng 3 dưới đây, chúng ta thấy trong 5, 10, 15 câu đầu tiên và tổng 20 câu (ngoại trừ Tôi cá nhân 20 câu), số câu trả lời mang tính cá nhân của nam đều có điểm trung bình cao hơn điểm trung bình của nữ (t mang dấu dương). Tương ứng, điểm trung bình của các câu trả lời mang tính cộng đồng của nữ cao hơn của nam (t mang dấu âm). Trừ trường hợp "cái tôi" cá nhân 15 câu đầu ($p < 0.76$ - không có ý nghĩa), tất cả các khác biệt giữa nam và nữ ở 5, 10, 15, 20 câu đều có ý nghĩa về mặt thống kê với $p < .05$.

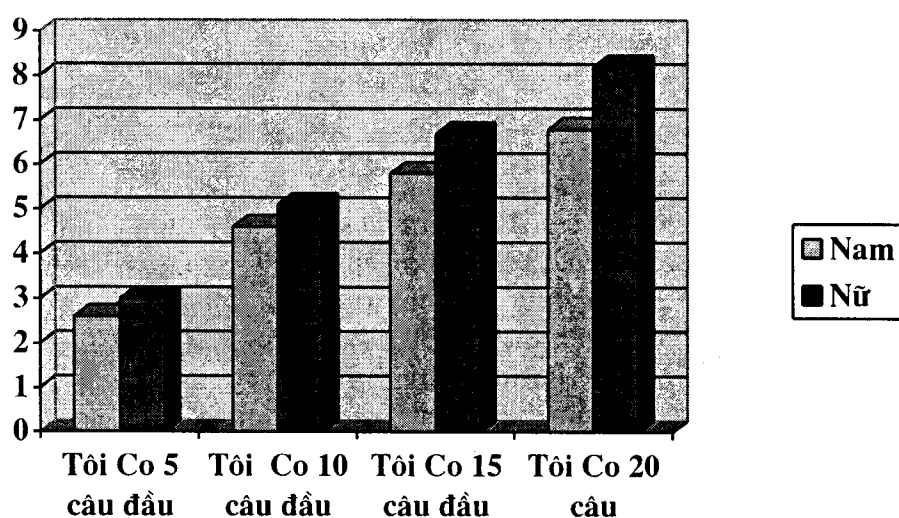
Bảng 3: "Cái tôi" mang tính Colca theo giới tính

	Giới	N	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	t	p
Tôi cá nhân 5 câu đầu	Nam	172	2.25	1.51	2.23	0.02
	Nữ	246	1.95	1.26		
Tôi cộng đồng 5 câu đầu	Nam	172	2.62	1.52	-2.37	0.01
	Nữ	246	2.95	1.30		
Tôi cá nhân 10 câu đầu	Nam	172	4.19	2.53	1.96	0.05
	Nữ	246	3.75	2.17		

Tôi cộng đồng 10 câu đầu	Nam	172	4.63	2.52	-1.71	0.08
	Nữ	246	5.06	2.48		
Tôi cá nhân 15 câu đầu	Nam	172	5.37	3.42	0.29	0.76
	Nữ	246	5.27	3.10		
Tôi cộng đồng 15 câu đầu	Nam	172	5.82	3.36	-2.58	0.01
	Nữ	246	6.73	3.69		
Tôi cá nhân 20	Nam	172	6.31	4.26	-0.83	0.40
	Nữ	246	6.65	4.03		
Tôi cộng đồng 20	Nam	172	6.88	4.17	-2.92	0.00
	Nữ	246	8.22	4.91		

Trường hợp "cái tôi" cá nhân của nữ biểu hiện trong 20 câu có điểm trung bình cao hơn của nam (6.65 so với 6.31, $p < .05$) thể hiện một điều: tuy cả nam và nữ đều thể hiện tính Co và Ca, nhưng so với nữ, nam biểu hiện "cái tôi" cá nhân sớm hơn (5,10,15 câu đầu – bảng 3), "cái tôi" cộng đồng muộn hơn (20 câu). Trong khi nữ thường hay liên tưởng "tôi là vợ anh A, con dâu bà B, mẹ của hai con là C và D", thì nam lại rất ít khi mô tả bản thân theo cách "tôi là chồng cô X, con rể bà Y..." Theo chúng tôi, ở một chừng mực nhất định, đối với những câu trả lời mang tính tự phát và "phóng chiếu" như trong test 20 mệnh đề này thì sự xuất hiện sớm với tần xuất cao hơn có "sức nặng" hơn. Như vậy, nhìn chung nữ giới có chiều hướng cộng đồng cao hơn nam giới qua các câu trả lời mô tả về "cái tôi". Hình vẽ 1 dưới đây thể hiện rất rõ chiều hướng này.

Hình 1: Điểm trung bình của các câu mô tả mang tính Co theo giới tính



Kết quả nghiên cứu trước đây của chúng tôi trên mẫu chọn là sinh viên cũng gợi ý cho thấy xu hướng tương tự (Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương,

2002). Nhiều nghiên cứu về tính Co/ca trên thế giới, bao gồm cả các nước châu Á cũng khẳng định điều này. Nghiên cứu trên mẫu chọn những người đã có gia đình ở 2 nhóm tuổi (20-30 tuổi và 50 tuổi trở lên) ở Hàn Quốc, tác giả Jae Ho Cha (1994) phát hiện ra sự khác biệt giữa nam và nữ theo tính Co/ca. Cụ thể, những nghiệm thể nam ít chấp nhận các mối quan hệ và vai trò phụ thuộc hơn các nghiệm thể nữ. Nói cách khác, nghiệm thể nữ có xu hướng chấp nhận "cái tôi" phụ thuộc, "cái tôi" xã hội cao hơn nghiệm thể nam.

Sự khác biệt trên đây được lý giải bởi sự khác biệt mà Hostede gọi là nam tính - nữ tính, một chiều cạnh quan trọng của hầu hết các nền văn hoá (Hofstede, 1980; 1998). Theo nghiên cứu của tác giả này ở 53 quốc gia thì Nhật Bản đứng đầu về nam tính. Những nước và vùng lãnh thổ khác ở châu Á như Phillipines, Hồng Kông, Ấn Độ nằm ở mức vừa phải, kế đó là Singapore, Indonesia, Đài Loan. Tuy không tham gia nghiên cứu này, nhưng có thể dự đoán sự khác biệt về giới ở Việt Nam sẽ nằm ở mức vừa phải trong số các nước vừa kể. Cơ sở của dự đoán này dựa trên quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính các đặc điểm của lớp văn hoá bản địa của Việt Nam đã làm khúc xạ, làm ôn hoà mức độ ảnh hưởng của Khổng giáo chính thống vốn hay bị xem là nguồn gốc của tư tưởng phân biệt nam nữ (xem thêm Jamieson, 1993; Barry, 1996; Slote & Devos, 1998; Phan Ngọc, 1998; Vũ Khiêu, 1997).

Cụ thể hơn, sự khác biệt về giới liên quan đến tính Co/ca nằm trong chính quá trình xã hội hoá đối với trẻ

em nam và nữ. Trong nhiều xã hội, các em nữ được giáo dục thiên nhiều hơn về những đức tính như quan tâm, chăm sóc (người khác), ngoan ngoãn, nghe lời, có trách nhiệm, liên hệ về tình cảm. Trong khi đó các em trai được giáo dục thiên nhiều hơn về tính độc lập, tự chủ, thành đạt (Smith & Bond, 1999). Không có gì ngạc nhiên khi kết quả nghiên cứu của Gabriel và Gardner (1999), cũng dùng cùng phương pháp 20 mệnh đề tiến hành trên mẫu chọn là sinh viên Mỹ đã chứng minh rằng "cái tôi" của phụ nữ mang tính quan hệ, liên hệ (relational) hơn đàn ông. Nghiên cứu về sự chọn lựa bạn đời ở 37 quốc gia trên thế giới của Buss và đồng nghiệp (1990) cũng cho thấy ở các nước châu Á như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Indonesia, Ấn Độ, Iran, nam giới coi trọng vai trò "kỹ năng nội trợ" (ta gọi là nữ công gia chánh), "chăm sóc gia đình và con cái"... ở người bạn đời cao hơn so với nữ đánh giá những đặc điểm vai trò này ở nam giới.

b) "*Cái tôi*" mang tính Colca theo tình trạng hôn nhân

Sự khác nhau trong các câu trả lời về "cái tôi" giữa những người có gia đình riêng và chưa có gia đình ở 5, 10, 15 câu đầu không có ý nghĩa về mặt thống kê. Nhưng đối với toàn bộ 20 câu thì những người chưa có gia đình có xu hướng cá nhân cao hơn người đã có gia đình ($\text{ĐTB} = 7,4 > \text{ĐTB} = 6,1$, với $p < .01$). Như vậy, ở mức độ nhất định sự khác biệt vẫn được xác nhận, mặc dù xu hướng này thể hiện không được chắc chắn và nhất quán so với sự khác biệt về giới.

Trong nghiên cứu mà chúng tôi đã tiến hành trước đây (Đỗ Long - Phan

Thị Mai Hương, 2002, sđd, tr. 187) tính cá nhân trong khái niệm "cái tôi" của thanh niên thể hiện khá cao. Các nghiên cứu liên quan đến sự thay đổi của tính Co/ca ở Việt Nam trong những năm gần đây cũng có chung một nhận định: định hướng phát triển "cái tôi", phát triển cá nhân ở thanh niên ngày càng rõ nét. Ở nước ngoài, nhiều tác giả cũng đã chứng minh rằng thanh niên, sinh viên có xu hướng cá nhân cao hơn những khách thể nhiều tuổi khác trong xã hội (ví dụ xem Matsumoto, dẫn trong bài của Takano & Osaka, 1999, sđd, tr. 326).

Tuy nhiên, phải lưu ý một điều là tính cá nhân của thanh niên hay những người chưa có gia đình riêng nói chung luôn mang tính đan xen. Một mặt họ mong muốn và thể hiện tính độc lập, tự khẳng định "cái tôi" của mình, mặt khác họ vẫn chung sống và phần nhiều còn phụ thuộc về mặt kinh tế, xã hội, tâm lý

vào gia đình. Có nhiều người vì điều kiện, vì đặc điểm văn hóa, sau khi kết hôn vẫn chung sống với gia đình mở rộng và mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau vẫn được duy trì. Vì thế xu hướng độc lập (cá nhân) và xu hướng phụ thuộc lẫn nhau (cộng đồng) vẫn song song tồn tại đan xen với nhau. Vấn đề ở đây là mức độ biểu hiện chứ không phải cái nào có cái nào không.

c) "Cái tôi" mang tính Colca theo số thế hệ cùng chung sống

Trong mẫu chọn ở Tam Hiệp, tỉ lệ gia đình một thế hệ là 1% (4 hộ), hai thế hệ (gia đình hạt nhân) là 41,1%, ba thế hệ trở lên (gia đình mở rộng) là 56,5%⁽¹⁾. Số gia đình có hơn 3 thế hệ trở lên cùng sinh sống không đáng kể. Dùng phép kiểm nghiệm one-way ANOVA chúng ta có kết quả theo bảng 4.

Bảng 4: "Cái tôi" Colca theo số thế hệ sống trong một nhà (N = 410)

Biến số độc lập	(I) Thế hệ	(J) Thế hệ	Hiệu điểm trung bình (I-J)	Sig. (p)
Tôi cộng đồng 15 câu đầu	Ba thế hệ	Hai thế hệ	.7584(*)	.03
		Một thế hệ	3.7119(*)	.04
Tôi cá nhân 15 câu đầu	Hai thế hệ	Ba thế hệ	.8013(*)	.01
		Một thế hệ	1.2674	.43
Tôi cá nhân 20 câu đầu	Hai thế hệ	Ba thế hệ	.9564(*)	.02
		Một thế hệ	2.5581	.21
Tôi cộng đồng 20 câu đầu	Ba thế hệ	Hai thế hệ	.8955(*)	.05
		Một thế hệ	5.0932(*)	.03

Ghi chú: * Hiệu điểm trung bình có ý nghĩa ở mức $p < .05$.

Như thấy rõ ở bảng 4, "cái tôi" cộng đồng ở 15 và 20 câu của những người sống trong gia đình có 3 thế hệ cao hơn trong gia đình có 2 hoặc 1 thế hệ ($p < .05$ và $p < .05$ đối với 15 câu; p ở mức $.05$ và $p < .05$ đối với 20 câu). Điều này cũng phù hợp với kết quả là "cái tôi" cá nhân ở 15 và 20 câu của người sống trong gia đình có 2 thế hệ (gia đình hạt nhân) cao hơn trong gia đình có 3 thế hệ ($p < .05$).

Nói một cách khác, *người sống trong gia đình mở rộng có xu hướng cộng đồng cao hơn so với người sống trong gia đình hạt nhân*. Sự hợp lực về mặt kinh tế trong các gia đình nhiều thế hệ cũng có nghĩa là sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế và điều này dẫn tới sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt xã hội. Chính nhờ những kết quả tương tự phát hiện được ở một số nước mà các tác giả nước ngoài đi đến kết luận là tính Ca có tương quan thuận với gia đình hạt nhân. Nghiên cứu tính cá nhân ở trong một nền văn hoá mang xu hướng cộng đồng như Ấn Độ, Sinha và Tripathi (1994) phát hiện ra rằng thành viên của những gia đình hạt nhân có xu hướng cá nhân cao hơn so với thành viên của những gia đình mở rộng. Tuy nhiên thế hệ trẻ Ấn Độ vẫn thể hiện một sự đan xen lẫn lộn về mặt tâm lý: một mặt mong muốn có gia đình hạt nhân để được độc lập hơn về nhiều mặt. Mặt khác lại chưa sẵn sàng về mặt tâm lý để từ bỏ các lợi ích và ưu thế mà gia đình mở rộng mang lại. Như vậy tính cá nhân của gia đình hạt nhân được đặt cạnh ưu thế tập thể, cộng đồng của gia đình mở rộng nhất là trong những xã hội mà hệ thống phúc lợi và bảo hiểm xã hội chưa được phát triển. Điều này cũng thể hiện qua các nhóm tuổi ở Tam Hiệp mà chúng tôi sẽ trình bày trong bảng 5 dưới đây. Tương tự, Jae Ho Cha (1994, sdd) khi nghiên cứu các khía cạnh của tính Co/ca ở Hàn Quốc cũng thấy rằng sự xuất hiện của gia đình hạt nhân có tương quan với việc hệ thống gia đình mở rộng bị yếu

dân và tính cộng đồng cũng yếu dần ở xã hội Hàn Quốc trong giai đoạn những năm cuối thế kỷ 20.

Một điều dễ thấy là để duy trì được sự hài hoà trong các gia đình có nhiều thế hệ, nhiều thành viên cùng chung sống đòi hỏi các thành viên phải tuân theo một cách tổ chức và xếp đặt chặt chẽ nhất định. Đó chính là gia phong, là chuẩn mực nhóm, áp lực nhóm (tính cộng đồng) vốn tương quan nghịch với sự độc lập của cá nhân, với tính tự chủ, tự khẳng định của cá nhân (tính cá nhân). Điều này có thể còn đúng ở cả cấp độ xã hội (mật độ dân số cao so với mật độ dân số thấp).

Tuy nhiên một vấn đề đặt ra là tại sao đô thị hoá (tạo ra mật độ dân số cao hơn) lại có tương quan thuận với tính Ca như một số nghiên cứu đã chứng minh? Phải chăng đô thị hoá tạo ra một hệ quả đan xen? Hay đô thị hoá làm tăng cơ hội lựa chọn trong cuộc sống, và khi có nhiều lựa chọn hơn thì con người sẽ trở nên “hợp lý” hơn, “tính toán” hơn? Lúc này có lẽ yếu tố cơ hội lựa chọn quan trọng hơn mật độ dân số? Chúng tôi cho rằng cần phải có thêm các nghiên cứu thực tế mới làm sáng tỏ được giả thuyết này.

d) *"Cái tôi" mang tính Colca theo tuổi (18 -81)*

Để xem xét sự tương quan của Co/ca và tuổi, chúng tôi kiểm nghiệm hệ số tương quan Pearson (r) với kết quả được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5: "Cái tôi" Colca theo nhóm tuổi (N = 418)

	Tôi cá nhân 5 câu đầu	Tôi cá nhân 10 câu đầu	Tôi cá nhân 15 câu đầu	Tôi cá nhân 20 câu
Tôi cá nhân 5 câu đầu				
Tôi cá nhân 10 câu đầu	.752(**)			
Tôi cá nhân 15 câu đầu	.562(**)	.886(**)		
Tôi cá nhân 20 câu	.393(**)	.744(**)	.936(**)	
Tuổi (18 - 81)	-.047	-.106(*)	-.179(**)	-.237(**)

Ghi chú: ** $p < 0.01$ * $p < 0.05$

Bảng 5 trên đây cho thấy "cái tôi" độc lập (tính cá nhân) có tương quan nghịch với tuổi tác ($r = -.106, -0.179, -.237$ với $p < .05$ hoặc $p < .01$). Trừ 5 câu đầu, tuy sự khác biệt là không có ý nghĩa về mặt thống kê, nhưng tương quan cũng là tương quan nghịch ($r = -.047$), phù hợp với chiều tương quan của tất cả các câu còn lại. Nói cách khác, ở Tam Hiệp, người càng nhiều tuổi càng có xu hướng cá nhân thấp hơn, xu hướng cộng đồng cao hơn. Nhìn ra thế giới thì thấy điều này hợp với xu hướng chung ở nhiều nước. Một kết quả nghiên cứu của Matsumoto và đồng nghiệp (dẫn trong Takano & Osaka, sdd, 1999, tr. 326) cho thấy thấy sinh viên Nhật Bản có tính cá nhân cao hơn nhóm những người Nhật lớn tuổi khác. Một nghiên cứu khác về tính Co ở Nhật Bản do Yamaguchi (1994, tr. 184) tiến hành trên mẫu người lớn cũng phát hiện ra rằng người Nhật nhiều tuổi có xu hướng cộng đồng cao hơn những người ở nhóm tuổi trẻ ($r = .54, p < .0001$).

Tóm lại, ở cấp độ nhận thức, mô tả, đánh giá về "cái tôi" một cách tự do qua test 20 mệnh đề ở Tam Hiệp có thể rút ra mấy điểm chính như sau:

1. "Cái tôi" phụ thuộc lẫn nhau và "cái tôi" độc lập (xu hướng Co và Ca) cùng tồn tại song song, nhưng "cái tôi" theo xu hướng Co, đặc biệt là trong gia đình, biểu hiện trội hơn, chiếm ưu thế hơn so với "cái tôi" cá nhân.

2. "Cái tôi" cộng đồng ở người Tam Hiệp mang tính tình huống, văn cảnh. Bên cạnh đó, "cái tôi" độc lập (mô tả bản sắc, các đặc điểm, sở thích, mong muốn, năng lực, trạng thái... của cá nhân) được thể hiện khá rõ nét lại mang tính chất chung.

3. Nhìn chung nữ giới có xu hướng cộng đồng cao hơn nam giới; những người chưa có gia đình có xu hướng cá nhân cao hơn người đã có gia đình; người càng nhiều tuổi càng có xu hướng cá nhân thấp hơn, chiều hướng cộng đồng cao hơn.♣

Chú thích

1. Số còn lại là missing.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barry K. (1996) (edited). *Vietnam's women in transition*. Great Britain: McMillan Press Ltd.
2. Jamieson, N. (1993). *Understanding Vietnam*. Los Angeles: University of California Press.
3. Vũ Khiêu (1997). *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Kuhn, M. H., & McParland, T (1954). "An empirical investigation of self-attitudes" No 19 dẫn trong cuốn *Individual in Society: a textbook of social psychology* của các tác giả Krech D. Crutchfield R. S. & Ballchachey E. L. (1962). New York: McGraw Hill book company, Inc., tr. 79.
5. Hofstede, G., (1998). *Masculinity and Femininity: The taboo dimension of national cultures*. London: Sega Publication.
6. Jea-Ho Cha (1994). "Aspects of individualism and collectivism in Korea". In trong cuốn *Individualism and Collectivism: Theory, Method, and Applications* do U. Kim, H. C. Triandis, C. Kagitcibasi, S. C. Choi & Gene Yoon chủ biên. Thousand Oaks: Sega, tr. 157-174.
7. Phan Ngọc (1998). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nhà xuất bản Thông tin văn hoá, Hà Nội.
8. Parkes, L.P., Schneider S.K. & Bochner, S. (1999). Individualism-collectivism and self-concept: Social or contextual?. *Asian Journal of Social Psychology*. Vol.2, Issue 3, December, 1999, tr. 367-383.
9. Sinha. D. & Tripathi, R. C. (1994). "Individualism in a collectivist culture" Trong cuốn *Individualism and Collectivism: Theory, Method, and Applications* do U. Kim, H. C. Triandis, Cigdem Kagitcibasi, Sang-Chin Choi & Gene Yoon chủ biên. Thousand Oaks: Sega, tr. 131.
10. Slote, W.H & Devos, G.A.(1998) *Confucianism and the Family*. Albany: State University of NewYork Press.
11. Smith, P. B. & Bond, M. H. (1999). *Social psychology across cultures*. Boston / Tokyo:

Allyn and Bacon.

12. Triandis, H.C (1995). *Individualism and Collectivism*. Boulder, Co: Westview.

13. Ward, C. (1999) "The Asian Self". *Progress in Asian Social Psychology, Vol II: Theoretical and Emperical Contributions* edite by Toshio Sugiman, Minoru Karasawa, James H. Liu và Colleen Ward chủ biên. Korea: Kyoyook-Kwahak-Sa Publishing Company, tr. 59-62.

THỬ ĐO ĐẶC CHỈ SỐ...

(Tiếp theo trang 24)

- Trong nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo và rèn luyện sinh viên cần chú ý cả các loại trí tuệ: trí tuệ lý trí IQ (trí thông minh), trí tuệ cảm xúc (EQ) và trí tuệ sáng tạo (CQ).

Đặc biệt đối với sinh viên sư phạm được đào tạo để trở thành người giáo viên cần chú ý nhiều hơn nữa tới ý nghĩa và tầm quan trọng của việc rèn luyện trí tuệ cảm xúc, góp phần hình thành nhân cách toàn diện của người giáo viên. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 - Daniel Goleman. *Trí tuệ xúc cảm*. Bản dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt của Lê Diên. Nxb KHXH. Hà Nội 2002.
- 2 - Chemiss C & Goleman D. *The Emotionally Intelligent Workplace*. Jossey - Bass (2001).
- 3 - Nguyễn Công Khanh. *Mô hình lí thuyết về trí tuệ cảm xúc*. Tạp chí Giáo dục số 61.
- 4 - Trần Kiều và nhiều tác giả. *Đo lường các chỉ số IQ, EQ, CQ ở học sinh và sinh viên*. (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tháng 11/2003 về "Nghiên cứu văn hoá, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI").
- 5 - Nguyễn Huy Tú. *Trí tuệ cảm xúc - Bản chất và phương pháp chẩn đoán*. Tạp chí TLH số 6 năm 2003.